

# Động viên học sinh – một kỹ năng quan trọng của giáo viên trong tạo động lực học tập ở học sinh

Nguyễn Thị Tuấn Anh\*

\*ThS.NCS. Trường Đại học Thủ Dầu Một

Received: 10/01/2024; Accepted: 18/01/2024; Published: 22/01/2024

**Abstract:** This article presents teachers' strategies for motivating students to support learning motivation. Motivating students is a very important pedagogical skill that teachers regularly perform during class to help students gain more mental strength, feel satisfied and accompanied in the learning process, thereby motivate students to actively and diligently study. This shows us that enhancing training, fostering, and in-depth training on student motivation skill for teachers is a task that meets the requirements in the current context of educational innovation.

**Keywords:** Motivation, student motivation, skills, teacher, learning motivation

## 1. Đặt vấn đề

Năm 2018, Chương trình giáo dục Phổ thông tổng thể được ban hành, đánh dấu mốc quan trọng trong công cuộc đổi mới giáo dục ở nước ta. Theo đó, có rất nhiều đổi mới như: khung chương trình, sách giáo khoa, phương pháp giảng dạy, đánh giá vì sự tiến bộ của học sinh (HS), coi trọng việc động viên, khuyến khích những cố gắng trong học tập, rèn luyện của HS,... Vì thế, một trong những kỹ năng có ý nghĩa giáo dục to lớn của giáo viên (GV) là vận dụng hiệu quả những chiến lược động viên HS như Rudolf Dreikurs từng nhấn mạnh rằng: “việc khích lệ và giúp trẻ cảm thấy mình được khích lệ là một trong những kỹ năng hiệu quả nhất mà người lớn có thể học để giúp đỡ trẻ” [3, 188]. Như vậy, động viên sẽ giúp HS vượt những căng thẳng, lo lắng, tạo ra sức mạnh nội tâm dồi dào, thúc đẩy HS tích cực và vui thích học tập. Trong bài viết này, chúng tôi làm rõ cơ sở khoa học tâm lý của các chiến lược động viên cũng như chỉ ra một số chiến lược động viên HS trong lớp học.

## 2. Phương pháp nghiên cứu

Bài viết sử dụng phương pháp chính là nghiên cứu lý luận nhằm tổng hợp, hệ thống hóa, phân tích, đánh giá những công trình lý luận và thực tiễn về động viên HS trong hoạt động dạy học của GV. Động viên được xem xét dưới nhiều lĩnh vực khoa học khác nhau. Trong bài viết này, chúng tôi tìm hiểu động viên HS dưới góc độ khoa học tâm lý, cụ thể là tâm lý học giáo dục, tâm lý học sư phạm.

## 3. Kết quả nghiên cứu và bàn luận

### 3.1. Một số khái niệm liên quan

Động lực và quá trình học tập có mối liên hệ sâu sắc với nhau, động lực đóng vai trò là chất xúc tác tạo ra sự thành công trong các vấn đề giáo dục. Học tập là quá trình diễn ra rất phức tạp, đòi hỏi HS cần có sự nỗ lực,

phần đầu để vượt qua các trở ngại từ trong bản thân và từ những yêu cầu của việc học để có thể đạt được các thành tích học tập, sự tiến bộ và phát triển về hiểu biết, kỹ năng học tập, năng lực xã hội,...

Động viên có thể được tiếp cận và giải thích bằng các từ ngữ khác nhau, trong bài viết này chúng tôi diễn giải nội hàm của động viên theo nghĩa của từ Motivate – cung cấp lý do cho ai đó để thôi thúc họ cố gắng vượt khó và đạt được mục tiêu. Trong nghiên cứu này, chúng tôi cho rằng khái niệm kỹ năng động viên của tác giả Huỳnh Văn Sơn và các cộng sự (2018) đưa ra đã thể hiện được bản chất của động viên là đem đến, kích hoạt, tạo ra xung lực tinh thần thúc đẩy và định hướng hành vi của người khác nói cách khác là tạo ra động lực cho con người.

### 3.2. Một số lý thuyết tâm lý học tiêu biểu về động viên

Trong tâm lý học, có rất nhiều lý thuyết động viên khác nhau tùy theo quan điểm tiếp cận của các tác giả. Tuy nhiên, xét trong hoạt động sư phạm, đối tượng tiếp nhận động viên là HS với hoạt động chủ đạo là hoạt động học tập thì có thể đề cập đến một số lý thuyết động viên điển hình, phù hợp như sau:

\* Lý thuyết nhu cầu của A.Maslow cho rằng nhu cầu là nguồn gốc nội tại thúc đẩy các hành vi của con người.

\* Lý thuyết học tập của B.F.Skinner với khái niệm trọng tâm là củng cố.

\* Lý thuyết niềm tin vào năng lực của Albert Bandura

Theo Bandura những dự báo về kết quả mà hoạt động có thể đạt được trong tương lai sẽ tác động mạnh đến động lực của cá nhân. Niềm tin có vai trò quan trọng trong định hướng và duy trì hành vi đúng mực của HS. Sự nản chí của HS đến từ những lo sợ thất bại và cảm giác lạc lõng, không thuộc về lớp học, bạn bè,... Dựa trên những gợi ý mà Bandura đưa ra, GV có thể xây dựng các chiến lược động viên hướng tới hình thành, tăng cường niềm tin của HS về năng lực của bản thân.

### 3.3. Một số chiến lược động viên hướng đến tạo động lực học tập cho HS

#### 3.3.1. Động viên HS thông qua xây dựng môi trường lớp học an toàn, thân thiện, đem lại hạnh phúc cho HS

Dựa trên lý thuyết của A.Maslow, nhu cầu HS không được thỏa mãn sẽ là nguy cơ dẫn đến các em lo lắng, mất tập trung, ảnh hưởng tiêu cực đến hành vi, cảm xúc, kết quả học tập,... Vì thế, GV có thể động viên bằng cách như sau:

Bố trí bàn ghế, chỗ ngồi, các vật dụng học tập, các bảng quy định, hướng dẫn sử dụng,... dễ nhìn thấy, phù hợp nhu cầu của HS, tối ưu nhất cho việc di chuyển, thực hiện các hoạt động, đảm bảo an toàn, mang đến sự thoải mái, sẵn sàng hợp tác, giúp đỡ người khác ở HS.

Trang trí phòng học thân thiện với môi trường và có tính giáo dục cao như: có cây xanh, tranh ảnh có tính giáo dục,... Ngoài ra, cần chú ý tính thẩm mỹ, gọn gàng, sạch sẽ để đem đến cảm giác dễ chịu, hạnh phúc ở HS

Xây dựng mối quan hệ giữa GV với HS, HS với nhau và với phụ huynh gần gũi, cởi mở, tôn trọng. GV có thể tổ chức các hoạt động học tập nhóm, hoạt động giao lưu tập thể, các buổi tọa đàm với phụ huynh,... để mọi người có cơ hội lắng nghe, thấu hiểu và học hỏi lẫn nhau. Đặc biệt, GV thể hiện sự dè dóm, hài hước, nhiệt tình, sẵn lòng hỗ trợ HS,... trong các giờ học sẽ làm các em cảm thấy an toàn và vì thế sẽ ít có những hành vi chưa đúng mực.

#### 3.3.2. Động viên HS thông qua xây dựng bầu không khí lớp học tích cực

Để tạo ra bầu không khí tâm lý tích cực trong lớp, trước hết GV cần lắng nghe HS. Lắng nghe tích cực được đánh giá là một cách thức khuyến khích HS bày tỏ, giải tỏa những cảm xúc, suy nghĩ và củng cố niềm tin rằng GV là một người có thể tâm sự [8, 124]. Khi lắng nghe, GV thể hiện sự chú tâm hoàn toàn đến HS, cho HS thấy rằng mình đang hiện diện và sẵn sàng đồng hành cùng với những khó khăn của HS bằng cách tạo môi trường không bị phân tán, không ngắt lời, không suy đoán, cần có những phản hồi ngắn, thúc đẩy HS (gật đầu, ừ, thế à,...), có sự tóm tắt, làm rõ những điều thu thập được, đặt mình vào vị trí của HS,... Như vậy, bằng cách lắng nghe GV hoàn toàn có thể thúc đẩy, khích lệ HS mạnh dạn, cởi mở bày tỏ, đặt câu hỏi, tự do suy nghĩ,... mà không lo sợ bị phán xét hay không được chấp nhận.

GV thể hiện sự chấp nhận và tôn trọng sự khác biệt với HS. Bất kì ai cũng có xu hướng muốn ở bên cạnh người chấp nhận và thích mình bởi đó là chính mình với đầy đủ các đặc điểm tích cực lẫn hạn chế, điều này mang đến cảm thấy được an toàn, tự do, được là chính mình. Lẽ đó, nếu GV khó chấp nhận hay phán xét, phê bình, lặp lại những hành vi chưa đúng mực, sai phạm hay khuyết điểm của HS sẽ làm các em tin rằng thầy

cô không tin vào khả năng hay sự cố gắng của các em. Điều này chẳng những không động viên HS mạnh dạn sửa đổi, sống chân thực với chính mình mà còn thúc đẩy HS phản kháng, tăng cường sự thận trọng, đề phòng, né tránh GV nhiều hơn.

Tạo cơ hội cho mọi HS được bày tỏ ý kiến, cảm nghĩ riêng, được công nhận trong lớp bằng cách tạo ra nhiều việc làm khác nhau để các em được tham gia tất cả và khuyến khích HS rằng bình đẳng là một trong những yếu tố được đề cao trong lớp học. Việc HS được thể hiện tiếng nói và tham gia vào quá trình lập kế hoạch, quyết định thời gian, cách thực hiện,... đem lại cảm giác bản thân có ích, được đánh giá cao. Điều này còn khuyến khích HS tăng cường tính trách nhiệm, cam kết thực hiện và giải trình về kết quả đạt được.

#### 3.3.3. Động viên HS thông qua tăng cường niềm tin vào năng lực của HS

Có rất nhiều chiến lược để tăng cường niềm tin của HS vào năng lực của bản thân, dưới đây trình bày những chiến lược cơ bản nhất:

Mô tả mục tiêu của bài học, của nhiệm vụ học tập một cách cụ thể, có tính thử thách vừa sức và có thể đạt được trong thời gian ngắn sẽ là nhân tố thôi thúc HS nỗ lực trong quá trình học tập. Trong khi đó, một nhiệm vụ quá dễ hoặc quá khó có thể làm giảm động lực của HS và có thể làm cho quá trình học trở nên nhàm chán, không có sức hấp dẫn kích thích HS phấn đấu [9, 14]. Vì thế, GV nên chú ý vào tính thú vị và phù hợp của nhiệm vụ học tập với hiểu biết, kỹ năng của HS. Ở những HS thiếu tự tin vào năng lực, GV khuyến khích bằng cách giao nhiệm vụ có thể giải quyết được, mục tiêu ngắn hạn và cung cấp các chiến lược, nguồn lực để có thể giải quyết vấn đề và **đạt được** kết quả sẽ trở thành động lực thúc đẩy các em hành động tràn đầy năng lượng, sáng tạo hơn.

Ghi nhận, biểu dương những thành công, những cố gắng, tiến bộ ở HS. Theo Thomas Gordon, mọi đứa trẻ đều cảm thấy nản lòng khi bị đánh giá thấp nếu chúng hoàn thành kém hay thất bại [8, 39]. Thật không may, phần lớn GV lại có xu hướng biểu dương những thành tích, kết quả đạt được thông qua điểm số hơn là công nhận những hành vi thể hiện sự cố gắng, hành vi tiến bộ, hành vi trách nhiệm hay đơn giản là hành vi giúp đỡ, đem lại niềm vui cho người khác,... Vì thế, GV nên chia nhỏ các nhiệm vụ học tập vừa dễ thực hiện, kiểm soát và đánh giá, đồng thời tạo cơ hội để các em dễ dàng và sớm đạt được kết quả để nhận được sự biểu dương, khích lệ từ thầy, cô.

Cung cấp các phản hồi hiệu quả, tích cực và đáng khích lệ để hành vi đúng mực được củng cố, hành vi chưa mong đợi được ngăn chặn, sửa chữa và bồi đắp lòng tin vào năng lực của bản thân. Khi phản hồi cần chi tiết, cụ thể và giải thích lý do, tránh những phản hồi về đặc điểm

nhân cách của HS và cần cung cấp nguồn tài liệu, cách thức để các em có thể khắc phục những thiếu sót.

Cung cấp cơ hội để HS được trải nghiệm, khám phá bản thân. Đây là kỹ thuật giúp HS có thể đạt thành tích, kết quả nhất định, cụ thể ở những lĩnh vực nào đó mà trước đây HS chưa từng nghĩ đến. Điều này có thể mang lại cho HS lòng tin vào việc bản thân dám thử sức, thử thách và nỗ lực hết sức có thể đưa đến một kết quả tốt đẹp. Qua đây, GV còn giúp HS nhận thấy rằng mỗi người có những thế mạnh khác nhau, và sự thành công hay thất bại có liên quan chặt chẽ với sự nỗ lực của bản thân.

Thông tin đến HS rằng mắc lỗi là điều tự nhiên, bình thường ai cũng có thể phạm phải. Ngoài ra, GV cần giúp HS nhận ra, học hỏi những điều bổ ích từ chính những lỗi sai hơn là tập trung vào lỗi sai và phán xét, quy gán điều này với năng lực của HS.

Cung cấp cho HS cơ hội để tự sửa lỗi sai, sửa lại bài làm của chính mình hoặc xem lại, sửa bài của các bạn. Đây là một hình thức trao quyền, thể hiện sự tin tưởng của GV dành cho HS và khuyến khích các em tập quan sát, lắng nghe lẫn nhau, tăng cường khả năng tự phát hiện và kích thích tư duy tìm kiếm các giải pháp.

### 3.3.4. Động viên HS thông qua lời khen, sử dụng hệ thống các phần thưởng

Lời khen và phần thưởng đều có tác dụng động viên HS bởi lẽ một HS sẽ muốn khen lại khi được GV khen, và em sẽ tiếp tục sẵn sàng làm điều tương tự [1, 117]. Tuy nhiên, GV cần chú ý tính cân bằng trong sử dụng và mục đích hướng tới là tạo động lực học tập nội tại hay bên ngoài cho HS nhằm đạt hiệu quả tối ưu và phù hợp với HS, bối cảnh động viên. Ngoài ra, khen thưởng phải giúp cho HS hiểu được lý do, do vậy, GV cần giải thích rõ ràng, cụ thể về hành vi được khen.

Sử dụng khen ngợi bằng lời nói một cách chân thành cụ thể. Lời khen phải chỉ ra được những hành vi có thể quan sát, nhận diện được và hoàn toàn có thể duy trì và phát triển chúng thì mới đánh giá là hữu ích với HS. Những lời khen chung chung, mơ hồ, khó xác định, ví dụ: Em làm tốt lắm, Bài thuyết trình của em rất tuyệt,... Bên cạnh đó, lời khen bao quát cả năng lực cũng có nguy cơ dẫn đến HS cảm thấy tệ, kém cỏi nếu lần sau thực hiện một nhiệm vụ trong môn học đó chưa tốt, chẳng hạn như: Em giỏi tiếng anh lắm; hoặc lời khen nhưng có chứa đựng sự so sánh với HS khác, ví dụ như: Em đã làm tốt hơn bất kỳ ai khác trong lớp,... Bên cạnh việc sử dụng lời khen, GV cần kết hợp và phát huy sức mạnh của ngôn ngữ cơ thể để tăng hiệu quả các tác động kích lệ như: gật đầu, mỉm cười khích lệ, vỗ tay, một cái ôm,...

Sử dụng hệ thống những phần thưởng vật chất hữu hình như: bút, viết, kẹo,... hoặc các phần thưởng có tính

quy đổi như: sticker, tem phiếu,... Tuy nhiên, tùy theo cấp học, giới tính của HS mà GV cần nhắc sử dụng phần thưởng phù hợp, nếu không phần thưởng có thể không mang lại tác dụng kích thích, thúc đẩy HS, chẳng hạn: HS tiểu học rất thích được thưởng bằng kẹo, bánh, đồ chơi,...; HS trung học cơ sở rất thích xem phim, không có bài tập về nhà, hoặc có thêm thời gian sử dụng máy tính trong lớp,... [6, 114]. Bên cạnh đó, GV có thể cùng HS thiết kế các bảng vinh danh dán vào tường của lớp hoặc các tấm áp phích, poster hay cuốn sổ lưu giữ những thành tựu, kỷ niệm đạt được của các HS trong lớp. Đây là những hình ảnh không những biểu dương, khích lệ cá nhân HS mà còn là cách thức giáo dục tập thể thông qua nêu gương.

### 3. Kết luận

Động viên HS là một kỹ năng sư phạm có ý nghĩa giáo dục rõ rệt trong việc kích thích năng lượng tinh thần, thúc đẩy tính vượt khó, kiên trường trong hành động, sự quan tâm và say mê học tập của HS. Với truyền thống giảng dạy chú trọng, tập trung vào đánh giá và ghi nhận kết quả, thành tích học tập bằng điểm số hơn là khích lệ, đánh giá sự nỗ lực, tiến bộ của HS, động viên HS được đánh giá như là một thách thức đối với GV khi phải thay đổi các chiến lược tạo động lực cho HS. Do vậy, trong chương trình các khóa tập huấn, bồi dưỡng GV rất cần đưa kỹ năng động viên HS vào nội dung giảng dạy chuyên sâu để giúp GV hiểu rõ, vững chắc về kỹ thuật động viên, qua đó có thể tự rèn luyện, nâng cao kỹ năng động viên HS của bản thân.

### Tài liệu tham khảo

1. Ercan YILMAZ, Mehmet ŞAHİN, Mehmet TURGUT (2017), *Variables Affecting Student Motivation Based on Academic Publications*, Journal of Education and Practice Vol.8, No.12, 2017.
2. Ngô Vũ Thu Hằng (chủ biên) (2020), *Kỹ năng quản lý lớp ở tiểu học*, NXB Đại học Sư phạm.
3. Jane Nelsen (2018), *Kỹ thuật tích cực*, NXB Phụ nữ.
4. Phạm Thành Nghị (2013), *Tâm lý học giáo dục*, NXB Đại học Quốc Gia Hà Nội.
5. Nhóm Ezpsychology (2028), *Tâm lý học tổ chức-công nghiệp*, NXB Thanh Niên.
6. Nguyễn Nam Phương, Vũ Thị Mai Hương, Trần Thị Cẩm Tú (2023), *Rèn luyện kỹ năng tổ chức hoạt động giáo dục trong đào tạo giáo viên*, NXB Đại học Sư phạm.
7. Huỳnh Văn Sơn (chủ biên) (2017), *Giao tiếp sư phạm*, NXB Đại học Sư phạm tp.HCM.
8. Thomas Gordorn (2019), *Đào tạo giáo viên hiệu quả*, NXB Phụ nữ.
9. Zohra Sediqi (2020), *Influence of encouragement on students learning at fifth grade in Kabul city*, Tata Institute of Social Sciences.